

XÁC ĐỊNH CÁC NHÂN TỐ DẪN ĐẾN TÌNH TRẠNG HỌC KÉM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG BÌNH THUẬN

Lê Thị Yên Trang¹, Đặng Thị Thanh Hậu¹

¹Giảng viên Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận

Tóm tắt:

Mục tiêu của đề tài là xác định các yếu tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận. Với mẫu nghiên cứu 202 sinh viên học kém hệ chính quy và áp dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA và thông qua hệ số tin cậy Cronbach alpha. Kết quả cho thấy, có nhiều nhân tố tác động dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên. Sinh viên chịu tác động bởi các nhân tố như năng lực giảng viên, mức độ phù hợp của việc chọn ngành và thể chất của sinh viên, sự quan tâm của đoàn thể, sự quan tâm của gia đình, cơ sở vật chất, thể chất sinh viên và sự thích ứng với môi trường học mới. Kết quả nghiên cứu góp phần giúp cho lãnh đạo nhà trường xây dựng các chiến lược nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên.

Từ khóa: sinh viên, trường học, học kém, Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận (CĐCĐBT) là một trong các trường đào tạo đa ngành, đa hệ, đa cấp và đa phương thức, đáp ứng được nguồn nhân lực để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Thuận nói riêng và cả nước nói chung. Tuy nhiên, với định hướng xã hội hóa hoạt động giáo dục và đào tạo, nhiều trường đại học mới đã ra đời tạo nên một sự cạnh tranh rất lớn giữa các trường. Một trong những yếu tố quyết định khả năng cạnh tranh hiện nay của các trường là chất lượng đào tạo. Vì vậy, nghiên cứu các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên là rất cần và thiết thực. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học hỗ trợ cho trường CĐCĐBT nói riêng và ngành giáo dục nói chung nâng cao chất lượng đào tạo.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nhằm xác định các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên Trường CĐCĐBT. Từ đó đưa ra các kiến nghị và giải pháp hữu hiệu nhằm hạn chế lượng sinh viên có học lực kém tại Trường CĐCĐBT.

2.2. Đối tượng nghiên cứu:

Các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên.

2.3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài:

Nghiên cứu này được thực hiện tại Trường CĐCĐBT, đối tượng khảo sát là sinh viên đang theo học tại trường.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này bao gồm 02 bước chính đó là nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu sơ bộ sử dụng phương pháp định tính và định lượng, nghiên cứu chính thức sử dụng phương pháp định lượng.

- Nghiên cứu sơ bộ định tính: Phỏng vấn trực tiếp 10 SV và thăm dò ý kiến trả lời quan Bảng câu hỏi và trả lời của 20 SV đang học tại trường. Nghiên cứu này dùng để đánh giá cách sử dụng thuật ngữ trong Bảng câu hỏi để điều chỉnh một số thuật ngữ cho thích hợp trước khi tiến hành nghiên cứu định lượng chính thức. Nghiên cứu sơ bộ định lượng: Phỏng vấn trực tiếp SV. Nghiên cứu này dùng để đánh giá sơ bộ thang đo các khái niệm nghiên cứu trước khi tiến hành nghiên cứu chính thức. Thang đo được đánh giá sơ bộ thông qua hệ số tin cậy Cronbach alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA.

- Nghiên cứu chính thức: dùng phương pháp định lượng thông qua lấy ý kiến phản hồi của SV thông qua Bảng câu hỏi. Kích thước mẫu của nghiên cứu là 225 SV. Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá thang đo bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA và thông qua hệ số tin cậy Cronbach alpha.

Thu thập thông tin: Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua phiếu điều tra theo phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên được sử dụng để thu thập thông tin của 225 sinh viên có học lực kém.

Phân tích số liệu: Các nguyên nhân dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên như: Sự quan tâm của gia đình đến việc học tập của sinh viên, thời gian đến lớp của sinh viên, phương pháp học tập của sinh viên, việc tham gia làm thêm, cơ sở vật chất trường

học, chất lượng giảng viên... được chỉ ra bởi các nghiên cứu (Lê Quang Viêt, 2003; Nguyễn Hạnh Thảo Nguyên, 2008; Nguyễn Hồ Anh Khoa, 2008; Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự, 2011). Nghiên cứu này tiếp tục phát triển các nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên thông qua phương pháp tham vấn chuyên gia và thảo luận nhóm (nghiên cứu định tính). Kết quả chọn lọc được 4 nhóm nhân tố (gồm 41 tiêu chí) dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên trường CĐCĐBT, gồm: (I) Nhân tố thuộc về cá nhân (14 tiêu chí); (II) Nhân tố thuộc về nhà trường (12 tiêu chí); (III) Nhân tố thuộc về gia đình (8 tiêu chí); (IV) Nhân tố thuộc về xã hội (7 tiêu chí). Các nhóm nhân tố trên đều sử dụng thang đo likert từ 1 đến 5 để sinh viên nhận xét theo quy ước đánh giá mức độ tăng dần “Hoàn toàn không ảnh hưởng (1 điểm) đến Hoàn toàn ảnh hưởng (5 điểm).

Bảng 1: Bộ tiêu chí đánh giá các nhân tố ảnh hưởng

TT	Mã hóa	Nhân tố
I	Nhân tố thuộc về cá nhân	
1	CN ₁	Thái độ đối với việc học
2	CN ₂	Động cơ học tập
3	CN ₃	Ngành học không phù hợp sở thích
4	CN ₄	Sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới
5	CN ₅	Phương pháp và kỹ năng học tập
6	CN ₆	Mức độ thường xuyên đến lớp
7	CN ₇	Khả năng tự học
8	CN ₈	Không tập trung học tập
9	CN ₉	Tình trạng sức khỏe
10	CN ₁₀	Bị stress, mệt mỏi
11	CN ₁₁	Thời gian cho việc học và giải trí
12	CN ₁₂	Tính kiên định trong học tập
13	CN ₁₃	Cạnh tranh trong học tập
14	CN ₁₄	Án tượng về trường học
II	Nhân tố thuộc về trường học	
1	TH ₁	Thời khóa biểu gây khó khăn đến lớp
2	TH ₂	Cơ sở vật chất
3	TH ₃	Không gian phòng học chật hẹp
4	TH ₄	Tiếng ồn, hệ thống âm thanh

5	TH ₅	Khả năng truyền đạt của giảng viên
6	TH ₆	Phương pháp giảng dạy của giảng viên
7	TH ₇	Mục tiêu và nội dung các môn học được GV giới thiệu
8	TH ₈	Hình thức đánh giá kết quả học tập của GV
9	TH ₉	Thái độ của GV đối với SV
10	TH ₁₀	Tiếng tăm của trường ảnh hưởng đến bằng cấp
11	TH ₁₁	Chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp sau này của sinh viên
12	TH ₁₂	Các ứng dụng tiện ích trực tuyến – truy cập internet, website phục vụ hiệu quả công tác giảng dạy và học tập
III Nhân tố thuộc về gia đình		
1	GD ₁	Tình cảm cá nhân
2	GD ₂	Mức độ quan tâm của gia đình về khía cạnh vật chất
3	GD ₃	Mức độ quan tâm của gia đình về khía cạnh tinh cảm
4	GD ₄	Việc làm thêm
5	GD ₅	Điều kiện học tập
6	GD ₆	Điều kiện sinh hoạt cá nhân
7	GD ₇	Quy mô gia đình
8	GD ₈	Những động cơ thúc đẩy của cha mẹ
IV Nhân tố thuộc về xã hội		
1	XH ₁	Mức độ tham gia các hoạt động xã hội
2	XH ₂	Bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội
3	XH ₃	Mức độ chấp nhận bằng cấp của xã hội
4	XH ₄	Sự quan tâm của tổ chức xã hội đến nhà trường (hỗ trợ cơ sở vật chất)
5	XH ₅	Sự quan tâm của tổ chức xã hội đến sinh viên (hỗ trợ học bổng)
6	XH ₆	Yêu cầu chất lượng học tập của xã hội
7	XH ₇	Trình độ phát triển của xã hội

Mẫu nghiên cứu

Cách thức chọn mẫu: Là phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Số lượng bảng hỏi phát ra là 225 cho

SV khóa K15, K16 và K24 được phân bổ tỷ lệ theo khoa như sau:

Bảng 2: Phân bố mẫu

STT	Khoa	Tần suất	Tần số
1	Khoa Kinh tế - Kỹ thuật - công nghệ	22.22	50
2	Khoa Du Lịch Văn hóa	40.00	90
3	Khoa Sư Phạm	16.44	37
4	Khoa Ngoại ngữ	21.33	48

	TỔNG CỘNG	100.00	225
--	-----------	--------	-----

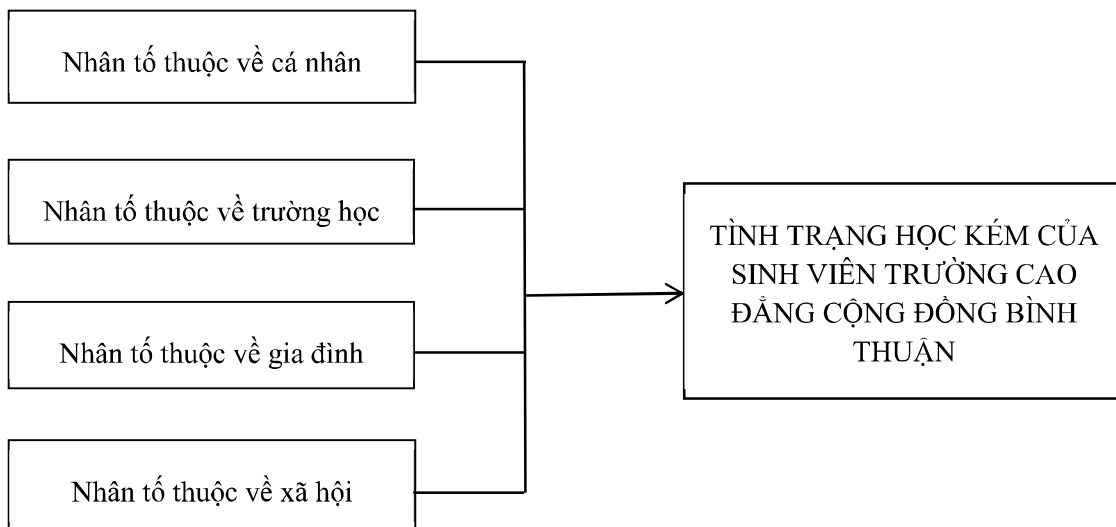
Với 225 bảng hỏi được phát ra, số bảng hỏi thu hồi là 223, trong đó có 21 bảng hỏi có số lượng ô trống nhiều ($> 10\%$) nên bị loại. Vì vậy, kích thước mẫu cuối cùng dùng để xử lý $n = 202$.

2.5. Mô hình nghiên cứu:

Tổng quan tài liệu và các nghiên cứu trước đây, mỗi nghiên cứu có một danh sách các biến riêng, các biến này thay đổi tương ứng và phụ thuộc vào: Phạm vi, lĩnh vực, mục tiêu và điều kiện thực tế của nghiên cứu. Theo kết quả của các nghiên cứu trước đây và các mô hình lý thuyết cho ta thấy nhân tố thuộc về cá nhân (gồm: Thái độ đối với việc học tập, động cơ học tập, cạnh tranh học tập, ấn tượng

trường học...); Nhân tố thuộc về trường học (cơ sở vật chất, khả năng truyền đạt của giảng viên,...); Nhân tố thuộc về gia đình (mức độ quan tâm của gia đình về khía cạnh tình cảm, tình cảm cá nhân,...) và nhân tố thuộc về xã hội (mức độ tham gia vào các hoạt động xã hội, các tệ nạn xã hội,...) có mối quan hệ với tình trạng học kém của sinh viên.

Từ việc nghiên cứu các mô hình về nguyên nhân dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên, đồng thời tham khảo thêm một số nghiên cứu trước đây cùng với tình hình thực tế tại Việt Nam nói chung và tại trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận nói riêng, mô hình nghiên cứu được xây dựng như sau:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đo lường độ tin cậy bằng hệ số Cronbach Alpha

Kết quả phân tích Cronbach alpha của các thang đo các khái niệm cho thấy tất cả các thang đo đều đạt yêu cầu về hệ số tin cậy Cronbach alpha từ .60 trở lên: thấp nhất là .826 (Yếu tố thuộc về xã hội) và cao nhất là .873 (Yếu tố thuộc về nhà trường) và không có biến nào có hệ số tương quan biến-tổng (item-total correlation) thấp $\leq .30$.

3.2. Phân tích nhân tố khám phá cho các biến độc lập

Sau phân tích độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha có 41 biến quan sát của 4 nhân tố độc lập được đưa vào phân tích nhân tố.

Kết quả EFA ban đầu có 4 biến có Factor loading lớn nhất nhỏ hơn 0.5 là CN14, TH10, GD93, XH1. Vì vậy các biến này không đạt yêu cầu. Lần lượt loại từng biến không đạt yêu cầu, biến có Factor loading lớn nhất mà không đạt nhất bị loại trước, lần lượt loại dần đến biến có Factor loading nhỏ nhất. Khi loại 1 biến, EFA lại thì Factor Loading của từng

biến quan sát bị thay đổi so với kết quả trước đó. Thực hiện EFA tương tự nhưng không có các biến đã bị loại.

Tiếp tục với các bước phân tích nhân tố khám phá tiếp theo bằng cách lần lượt loại bỏ các biến quan sát không đạt yêu cầu trên (CN14, TH10, GD93, XH1). Ta có kết quả phân tích EFA lần cuối cùng có 7 nhân tố được rút ra với 29 biến.

- Tổng phương sai trích (tổng biến thiên được giải thích) bằng 63.414 % ($> 50\%$).

- KMO = 0.864 (> 0.5) và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig=0.000 <0.05).

Các điều kiện trên thỏa mãn, chứng tỏ phân tích nhân tố khám phá EFA là phù hợp với dữ liệu.

Dựa vào ma trận xoay cho thấy nhân tố 1 có liên quan chặt chẽ với 5 biến: Phương pháp giảng dạy của giảng viên (TH6), Thái độ của giảng viên đối với SV (TH9), Khả năng truyền đạt của giảng viên (TH5), Mục tiêu và nội dung các môn học được GV giới thiệu (TH7), Hình thức đánh giá kết quả học tập của giảng viên (TH8). Các biến này nói về khả năng chuyên môn của giảng viên nên đặt tên là

Năng lực giảng viên. Biến phương pháp giảng dạy của giảng viên (TH6) có hệ số nhân tố cao nhất .805 nên đây là biến ảnh hưởng cao nhất đến nhân tố *Năng lực giảng viên*.

Nhân tố thứ 2 có mối tương quan chặt chẽ với 6 biến: Khả năng tự học (CN7), Mức độ thường xuyên đến lớp (CN6), Không tập trung học tập (CN8), Thái độ đối với việc học (CN1), Động cơ học tập (CN2), Ngành học không phù hợp sở thích (CN3). Các biến này nói về bản thân cá nhân của sinh viên nên đặt tên là *mức độ phù hợp của việc chọn ngành của SV*. Biến Thái độ học tập có hệ số nhân tố cao nhất .782 nên đây là biến ảnh hưởng cao nhất đến nhân tố *mức độ phù hợp của việc chọn ngành của SV*.

Nhân tố thứ 3 đặt tên là *Sự quan tâm của đoàn thể* do có các biến tương quan chặt chẽ đến đoàn thể, gồm: Mức độ chấp nhận bằng cấp của xã hội (XH3), Yêu cầu chất lượng học tập của xã hội (XH6), Bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn (XH2), Sự quan tâm của tổ chức xã hội đến nhà trường (XH4), Sự quan tâm của tổ chức xã hội đến sinh viên (XH5). Trong đó biến XH3 có hệ số nhân tố cao nhất là .754 nên ảnh hưởng cao nhất đến nhân tố *Sự quan tâm của đoàn thể*.

Nhân tố thứ 4 đặt tên là *Sự quan tâm của gia đình* do có các biến liên quan chặt chẽ đến gia đình gồm: Qui mô gia đình (GD7), Những động cơ thúc đẩy của cha và mẹ (GD8), Điều kiện sinh hoạt cá nhân (GD6), Điều kiện học tập (GD5). Trong đó biến GD7 có hệ số nhân tố cao nhất là .828 nên ảnh hưởng cao nhất đến nhân tố *Sự quan tâm của gia đình*.

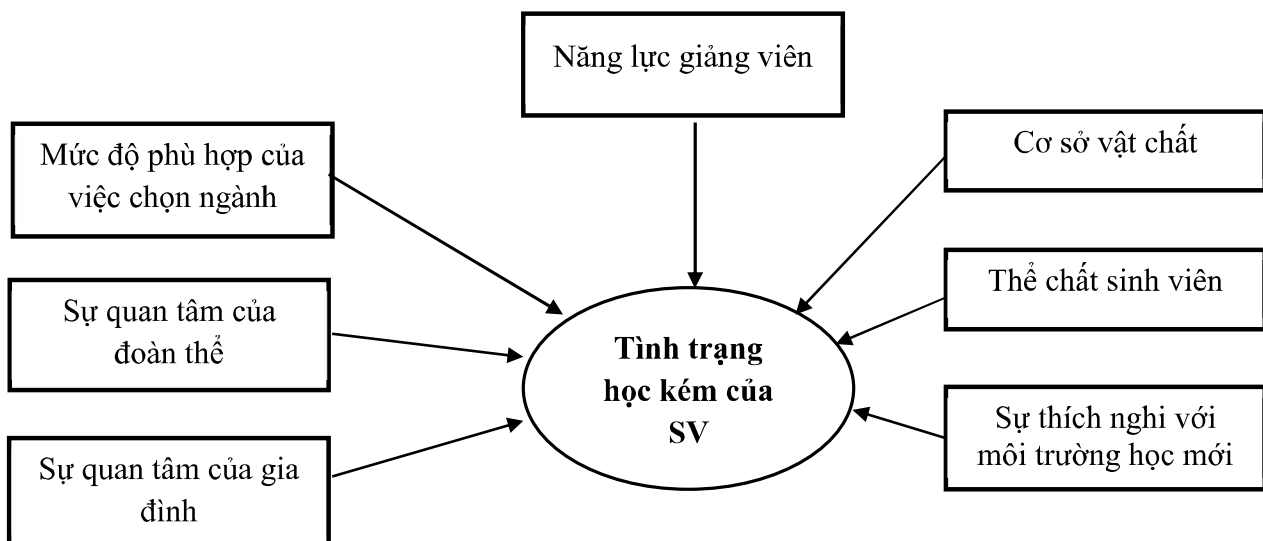
Nhân tố thứ 5 có mối tương quan chặt chẽ với 3 biến: Cơ sở vật chất (TH2), Không gia phòng học chật hẹp (TH2) và Tính kiên định trong học tập (CN12). Các biến này nói về cơ sở vật chất của trường nên đặt tên là *Cơ sở vật chất*. Trong đó biến TH2 có hệ số nhân tố cao nhất là .710 nên ảnh hưởng cao nhất đến nhân tố *Cơ sở vật chất*.

Nhân tố thứ 6 có mối tương qua chặt chẽ với 3 biến: Căng thẳng mệt mỏi (CN10), Tình trạng sức khỏe (CN9) và Thời gian cho việc học và giải trí (CN11). Các biến này thể hiện thể chất của sinh viên nên đặt tên là *Thể chất sinh viên*. Trong đó biến CN10 có hệ số nhân tố cao nhất là .788 nên ảnh hưởng cao nhất đến nhân tố *Thể chất sinh viên*.

Và nhân tố cuối cùng ảnh hưởng đến việc học kém của sinh viên được đặt tên là *Sự thích nghi với môi trường học mới* do có các biến có liên quan chặt chẽ bao gồm: Thời khóa biểu gây khó khăn đến lớp (TH1), Sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới (CN4), Cạnh tranh trong học tập (CN13). Trong đó biến TH1 có hệ số nhân tố cao nhất là .741 nên ảnh hưởng cao nhất đến nhân tố *Sự thích nghi với môi trường học mới*.

3.3. Điều chỉnh mô hình nghiên cứu:

Sau phân tích nhân tố EFA kết quả cho chúng ta 7 nhân tố mới với 29 biến quan sát được rút trích, đặt lại tên. Như vậy, mô hình nghiên cứu ban đầu phải được điều chỉnh lại cho phù hợp cho các phân tích tiếp theo. Mô hình nghiên cứu mới sau phân tích nhân tố như sau:



Hình 2: Mô hình nghiên cứu sau phân tích nhân tố EFA

4. KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP

4.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu với 7 nhân tố dẫn đến tình trạng học kém của sinh viên trường CĐCĐBT, bao gồm: Năng lực giảng viên; Mức độ phù hợp của việc chọn ngành; Sự quan tâm của đoàn thể; Sự quan tâm của gia đình; Cơ sở vật chất; Thể chất sinh viên; Sự thích ứng với môi trường học mới. Trong nghiên cứu và kiểm định mô hình hồi qui, 7 thành phần đều xuất phù hợp và có ý nghĩa trong thống kê, mô hình hồi qui phù hợp với dữ liệu thu thập. Trong 7 thành phần được xác định trong mô hình nghiên cứu, mức độ tác động của các thành phần khác nhau đối với tình trạng học kém của SV. Cụ thể, xét các nhân tố thuộc về Năng lực giảng viên, bản thân sinh viên chịu ảnh hưởng mạnh nhất bởi nhân tố Phương pháp giảng dạy của giảng viên (hệ số nhân tố .805); Về các nhân tố thuộc Mức độ phù hợp của việc chọn ngành và thể chất của sinh viên, nhân tố tác động mạnh nhất đến việc học kém của SV là Thái độ học tập (hệ số nhân tố .782); Đối với nhóm nhân tố Sự quan tâm của đoàn thể có nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến việc học kém của SV là Mức độ chấp nhận bằng cấp của xã hội (hệ số nhân tố .754); Nhóm các nhân tố liên quan đến Sự quan tâm của gia đình cho thấy Quy mô gia đình tác động mạnh mẽ đến việc học kém của SV (hệ số nhân tố .828); Nhóm nhân tố Cơ sở vật chất đã chứng minh Cơ sở vật chất cũng có tác động đến tình trạng học kém của SV (hệ số nhân tố .710); Bên cạnh đó, Thể chất sinh viên như Căng thẳng mệt mỏi được xem là mối quan tâm về tác động đến việc học kém của SV (hệ số nhân tố .788); Ngoài ra, Sự thích ứng với môi trường học mới với Thời khóa biểu gây khó khăn đến lớp cũng không kém phần quan trọng (hệ số nhân tố .741).

4.2. Giải pháp

- Cần cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên theo hướng hiện đại để hướng dẫn tích cực cho các sinh viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần chú ý, hỗ trợ sinh viên phát huy khả năng tư duy độc lập, sáng tạo thông qua việc tạo điều kiện cho sinh viên được thảo luận, trình bày các quan điểm, tư duy về các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội. Đồng thời, hướng dẫn sinh viên tự chủ động học tập, nghiên cứu qua sách vở, tài liệu, và các vấn đề trong cuộc sống. Giảng viên chỉ giữ vai trò như một nhà cố vấn khoa học.

- Bản thân sinh viên cần phải có thái độ học tập nghiêm túc, cố gắng chăm chỉ học tập, nâng cao năng lực tự học, cần tin tưởng vào khả năng tự học của mình, đồng thời phải phát huy tối đa nội lực và tận dụng triệt để các yếu tố khách quan, nhất là sự hướng dẫn của giảng viên.

- Cần xây dựng các chương trình đào tạo đa dạng cho nhiều đối tượng người học, nhiều ngành nghề mà xã hội cần, tăng tính thực tiễn trong nội dung đào tạo, thể hiện được sắc thái riêng của trường.

- Cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình sinh viên nhằm cải thiện kết quả học tập của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực.

- Ưu tiên tăng cường trang bị cơ sở vật chất thiết bị phục vụ việc học tập của sinh viên để nâng cao chất lượng đào tạo. Khắc phục tình trạng cơ sở học tập hư hỏng, bị động, không đạt chuẩn.

- Hỗ trợ giảm gánh nặng về kinh tế cho sinh viên bằng các hình thức khác nhau. Khảo sát đánh giá chương trình học nhằm tìm những giải pháp giảm bớt áp lực học tập trong khi vẫn duy trì và nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên. Tăng cường các yếu tố hỗ trợ xã hội cho sinh viên cũng như khuyến khích sinh viên tập luyện thể dục thể thao, giao lưu bạn bè qua các câu lạc bộ trong và ngoài trường. Tất cả những khuyến nghị trên nhằm giảm bớt căng thẳng mệt mỏi cho sinh viên, từ đó nâng cao chất lượng học tập và sức khỏe tinh thần cũng như thể chất của sinh viên.

- Xây dựng thời khóa biểu thật khoa học và hợp lý để đảm bảo việc lên lớp đầy đủ và chất lượng học tập của sinh viên sẽ được nâng cao hơn.